

Nguyễn Tiến Đạt, Lưu Hồng Lê, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2025). Luật
Thương mại Việt Nam trước tác động của các FTA thế hệ mới. *Tạp chí
nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 04(2025),143-151

*Tạp chí Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển*

© Học viện
Chính sách
và Phát triển 2025
© CSR,2025

Bài báo khoa học

DOI: <https://doi.org/10.63640/3030-4091/jpd.apd.86>

Luật Thương mại Việt Nam trước tác động của các FTA thế hệ mới

Nguyễn Tiến Đạt (TS)

Lưu Hồng Lê (ThS)

Nguyễn Thị Thanh Huyền (ThS)

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: nguyendat.mdce@apd.edu.vn

Tóm tắt:

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế thông qua ký kết, gia nhập các hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA) thế hệ mới, các văn bản luật của Việt Nam thời gian qua đã được cập nhật, bổ sung đáng kể nhằm thích ứng những yêu cầu mới trong hoạt động thương mại. Tuy nhiên, Luật Thương mại hiện hành năm 2005 của Việt Nam tới nay sửa đổi 2 lần nhưng vẫn là phiên bản của năm 2005, đây là một cản trở trong thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, việc cập nhật các văn bản luật khác theo yêu cầu của các FTA thế hệ mới cũng ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

Ngày nhận bài:
05/03/2025
Bản sửa lại lần 1:
25/04/2025
Ngày duyệt bài:
10/05/2025

Mã số: TC110425

Từ khóa: *Luật thương mại; FTA; Thế hệ mới*

Abstract:

In the context of Vietnam deeply integrating into the international economy through signing and joining new generation free trade agreements (Free Trade Agreement - FTA), Vietnam's legal documents have recently been significantly updated and supplemented to adapt to new requirements in commercial activities. However, Vietnam's current 2005 Commercial Law has been amended twice so far but is still the 2005 version, which is an obstacle in law enforcement. Besides, updating other legal documents as required by 'new generation' FTAs also directly affects Vietnam's trade liberalization process.

Keywords: *Commercial law; FTA; New generation*

1. Mở đầu

Tiến trình phát triển pháp luật thương mại Việt Nam ghi nhận từ tạo lập thói quen kinh doanh theo thị trường từ giai đoạn mở cửa đất nước những năm 90-91 tới sự kiện Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 11 thông qua Luật Thương mại ngày 10/5/1997 (gọi tắt là “Luật 1997”) - đạo luật thương mại đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, và cũng mang ý niệm về “*nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Và trước ngưỡng cửa gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, Luật 1997 đã được thay thế bởi Luật mới được Quốc hội thông qua vào ngày 14/6/2005, hiệu lực từ ngày 1/1/2006 (gọi tắt là “Luật 2005”). Luật 2005 bao gồm 9 chương với 324 điều, với phạm vi mở rộng cả các hoạt động cung cấp dịch vụ và các hoạt động xúc tiến thương mại.

Kể từ năm 2005 tới nay, sau 20 năm thực thi, Luật 2005 vẫn chưa được thay thế, mà chỉ có một số sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019. Nhiều nội dung, quy định của Luật 2005 dường như đã lỗi thời, chưa theo kịp với thực tiễn gia nhập các FTA của Việt Nam, đặc biệt các FTA ‘thế hệ mới’. Năm 2022, Bộ Công Thương đã có Quyết định số 111/QĐ-BCT ngày 27/01/2022 về ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Mục II Phụ lục I của Quyết định có liệt kê trong các nhiệm vụ, chương trình, đề án theo Quyết định 1163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có nhiệm vụ “*rà soát, sửa đổi Luật Thương mại 2005*” với mục tiêu hoàn thành trước năm 2025. Như vậy, có thể tin tưởng việc sửa đổi,

bổ sung, cập nhật Luật Thương mại Việt Nam là có và đang gấp rút triển khai.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về các FTAs thế hệ mới ghi nhận nhiều công bố trong nước và quốc tế có giá trị ở nhiều khía cạnh. Kết quả rà soát Luật Thương mại do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện năm 2022, cùng các báo cáo nghiên cứu nghiên cứu về các FTAs thế hệ mới mà Việt Nam gia nhập như: CPTPP; EVFTA và RCEP do Trung tâm WTO và Hội nhập (trực thuộc VCCI) thực hiện cung cấp các phân tích, đối sánh theo từng tiêu chí thiết thực nhất với cộng đồng doanh nghiệp.

Dưới góc độ quản lý nhà nước, các báo cáo tổng kết, rà soát của Chính phủ đối với EVFTA hay của Bộ Tư pháp về CPTPP cho thấy tiến trình bổ sung chủ trương, chính sách và hoàn thiện, cập nhật của quy định pháp luật trong nước trong bối cảnh gia nhập các FTAs thế hệ mới. Các công bố liên quan trong giai đoạn 2022-2025 đảm bảo tính cập nhật với nội dung nghiên cứu, đồng thời phản ánh tính cấp thiết của việc đánh giá hiệu quả, tác động của hệ thống FTAs thế hệ mới tới pháp luật thương mại Việt Nam.

Bên cạnh đó, các tham vấn chính sách từ các tổ chức quốc tế liên chính phủ như WB, ILO trong từng khía cạnh cũng đóng góp đáng kể cho quá trình đánh giá tổng quan chính sách thương mại của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết nền tảng cho hoạt động sửa đổi, hoàn thiện Luật Thương mại kế thừa giá trị của các học thuyết kinh tế liên quan tới phí tổn xã hội, chi phí giao dịch của các học

giả nổi tiếng, cụ thể: học thuyết về phí tổn ngoại bộ của Halsnæs; học thuyết về phí tổn xã hội theo mô hình của Ronald Coase, John Dales. Ngoài ra, với bản chất tự do thỏa thuận, bình đẳng, tự nguyện trong giao dịch dân sự, quá trình hoàn thiện Luật Thương mại còn dựa trên học thuyết về công bằng trong giao dịch hợp đồng thông qua tự do về nội dung (đưa ra bởi học giả Karl Larenz), tự do thủ tục giao kết (đưa ra bởi học giả Werner Flume), đảm bảo phù hợp các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp với phân tích nguồn tài liệu thứ cấp để đánh giá hiện trạng pháp luật thương mại Việt Nam qua thời gian; đồng thời sử dụng phương pháp luật học so sánh để nắm bắt kinh nghiệm hoàn thiện, cập nhật Luật Thương mại đảm bảo phù hợp các chuẩn mực cam kết FTA thế hệ mới. Cụ thể, nhóm tác giả đã tiến hành:

- Rà soát tập trung 03 văn kiện FTA thế hệ mới có ảnh hưởng lớn tới hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam gồm: CPTPP; EVFTA và RCEP.
- Rà soát ở 03 khía cạnh: quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; môi trường; lao động & hiệp hội ngành hàng trong quan hệ so sánh giữa FTAs và pháp luật Việt Nam.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Một số yêu cầu tuân thủ từ các FTA thế hệ mới

Trước hết, cần nhìn nhận quan điểm truyền thống giải thích FTA là hiệp định hợp tác kinh tế được ký kết giữa ít nhất hai nước, nhằm cắt giảm các hàng rào thương mại, cụ thể là thuế quan, quota nhập khẩu và các hàng

rào phi thuế quan khác, đồng thời, thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa các nước này với nhau. Thuật ngữ “thế hệ mới” mang tính tương đối, được sử dụng để nói về các FTA có phạm vi toàn diện, vượt ra ngoài khuôn khổ tự do hóa thương mại truyền thống, có thể kể tới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). So với các FTA truyền thống, thì các FTA thế hệ mới này có các nội dung mới như: Đầu tư, cạnh tranh, mua sắm công, thương mại điện tử, khuyến khích sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển cũng như dành thời gian chuyển đổi hợp lý để nước đi sau có thể điều chỉnh chính sách theo lộ trình phù hợp với trình độ phát triển của mình.

Trong phạm vi nghiên cứu này, các chuẩn mực thương mại của các FTA thế hệ mới sẽ được trình bày ở 03 nhóm chuẩn mực gồm: yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; yêu cầu về môi trường; yêu cầu về lao động, hiệp hội ngành hàng.

a. Yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

Các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp về chất lượng hàng hóa. Đặc biệt là các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...), trong đó luôn có một Chương quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Tại Chương này luôn quy định về cam kết minh bạch hóa liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, cụ thể: Điều 8.7 của Chương 8 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định CPTPP quy định về minh bạch hóa; Điều 5.7 của Chương 5 Hàng rào kỹ thuật đối

với thương mại của Hiệp định EVFTA quy định về minh bạch hóa; Điều 6.11 của Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định RCEP quy định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp...

Hiệp định WTO/TBT (Phụ lục 3) và các FTA thế hệ mới (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP, Điều 5.5 Hiệp định EVFTA, Điều 6.6 Hiệp định RCEP) quy định trách nhiệm của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trong thúc đẩy hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa, ưu tiên hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại, tạo thuận lợi hóa thương mại. Trong thực tiễn, hoạt động đánh giá sự phù hợp sẽ cơ bản dựa trên hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure - NQI), tuy nhiên với các FTA thế hệ mới, các quy định mở hơn khi cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, yêu cầu tuân thủ cao hơn, chặt chẽ và minh bạch hơn.

b. Yêu cầu về môi trường

Nội dung môi trường được đề cập trong các FTA ở mức độ và phạm vi rất khác nhau. Trong các FTA truyền thống, môi trường mới chỉ được đề cập mang tính khái quát chung, nhưng ở các FTA thế hệ mới, các tiêu chuẩn môi trường được xây dựng cụ thể và cao hơn.

Đơn cử như CPTPP và EVFTA đã tạo lập một khuôn khổ mới về môi trường mà Việt Nam phải cam kết. Theo đó, cam kết về môi trường được cụ thể hóa thành một chương riêng quy định về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đó là Chương 20 về Môi trường của CPTPP với 81 khoản, 02 phụ lục, và Chương 13 về thương mại và phát triển bền vững của EVFTA với 41 khoản. Các hiệp định yêu cầu các bên tham gia có nghĩa vụ thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-zôn, chống khai thác vận chuyển và buôn bán trái phép động thực vật hoang dã xuyên biên giới, xây dựng các cơ chế thực thi và giải quyết tranh chấp về môi trường khi phát sinh...

Trong CPTPP, mục tiêu của Chương Môi trường đặt ra là thúc đẩy sự tương hỗ giữa các chính sách về thương mại và môi trường, hướng tới việc tăng cường bảo vệ môi trường ở mức độ cao thông qua thực thi hiệu quả luật pháp trong nước về bảo vệ môi trường. CPTPP và EVFTA đều đưa ra 5 nhóm chính sách đòi hỏi các bên cam kết thực hiện gồm: (1) Chính sách và các quy định của pháp luật môi trường trong nước; (2) Cam kết quốc tế về môi trường; (3) Công khai, minh bạch; (4) Nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường; (5) Cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp.

c. Yêu cầu về lao động, hiệp hội ngành hàng

Quan điểm của các FTA thế hệ mới cho thấy các yêu cầu về lao động không phải đặt ra các tiêu chuẩn, chuẩn mực riêng về lao động mà là sự tái khẳng định các tiêu chuẩn lao động của Tổ chức Lao động quốc tế (International Labour Organisation - ILO). Các tiêu chuẩn này được đề cập tại Điều 3 Chương 13 về Thương mại và phát triển bền

vững của EVFTA (gồm 17 điều) và Chương 19 về Lao động của CPTPP. Đối với CPTPP, cam kết chung tại Điều 19.3 trong thực hiện tuyên bố của ILO liên quan tới: Tự do liên kết và thương lượng tập thể; Xóa bỏ lao động cưỡng bức; Xóa bỏ lao động trẻ em; Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trong lao động. Chương 13 EVFTA cũng nhắc lại cam kết thực thi các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động đã được ILO đưa ra trong Tuyên bố 1998.

Khi Nhà nước giảm sự can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì vai trò của hiệp hội là rất quan trọng và cần thiết. Các yêu cầu của FTA thế hệ mới hướng tới yêu cầu quốc gia tham gia tạo cơ chế độc lập, minh bạch và không bị chi phối, can thiệp từ Nhà nước đối với các hiệp hội ngành hàng, tổ chức đại diện người lao động, đại diện quyền lợi người tiêu dùng. Trong thương mại hàng hóa, đây là mô hình xã hội hóa việc điều phối ngành hàng, các hiệp hội doanh nghiệp “kiểu mới” được trao nhiều quyền lực hơn trong định hướng sản xuất cũng như xuất khẩu. Trước kia, các hiệp hội ngành nghề, ngành hàng được thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội; quyết định công nhận ban vận động thành lập hội theo lĩnh vực do Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý, cấp phép (theo Nghị định 45/2010/NĐ-CP đã hết hiệu lực). Hiện nay, Nghị định 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội đã phân nào ‘cởi trói’ cho cộng đồng hiệp hội ngành, hàng khi phân cấp chức năng về các địa phương. Trong hoạt động thương mại, người sản xuất phải làm theo hợp đồng, người xuất khẩu phải tham gia hiệp hội ngành nghề. Các tổ chức này không chỉ thực hiện việc mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa mà

còn tham gia chính sách, xây dựng thể chế, cụ thể: phối hợp Chính phủ và các cơ quan xây dựng và thực hiện các chiến lược tham gia mạng lưới sản xuất, phân phối toàn cầu; nghiên cứu, cung cấp thông tin chuyên ngành cho hội viên; hỗ trợ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, xúc tiến tham gia các liên kết trong Mạng lưới sản xuất, phân phối toàn cầu (Global production and distribution network - GPDN); tham vấn chính sách cho Chính phủ. Từ đó, chuyên môn hóa hiệp hội ngành hàng, đòi hỏi xây dựng bộ máy chuyên nghiệp với chức năng nhiệm vụ rõ ràng, theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu lực của pháp luật và thể chế.

3.2. Hạn chế của Luật Thương mại năm 2005 trước yêu cầu của các FTA thế hệ mới

Trước tiên, Luật Thương mại năm 2005 không tạo rào cản gia nhập các FTA thế hệ mới nhưng cũng không tạo ra các hỗ trợ đáng kể cho thương mại quốc tế.

Từ kết quả rà soát sự phù hợp của pháp luật thương mại Việt Nam so với các cam kết gia nhập WTO (do MUTRAP thực hiện) và Báo cáo tổng kết Luật Thương mại 2005 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Bộ Công Thương thực hiện vào năm 2022, cho thấy kết quả tương đồng là “*Luật Thương mại năm 2005 hoàn toàn phù hợp với các điều ước quốc tế song phương và đa phương*”. Tuy nhiên, đã có nhiều quan điểm cho rằng nên chăng cân nhắc việc lựa chọn bỏ Luật Thương mại mà thay bằng tăng cường vai trò của các luật chuyên ngành trong từng hoạt động thương mại do các tác động của Luật 2005 quá mờ nhạt. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng, cần nâng cấp Luật 2005 thành Bộ luật Thương mại (như Code de Commerce của CH Pháp) để ‘trả lại vị thế’ cho đạo luật quan

trọng này.

Luật Thương mại 2005 còn nhiều hạn chế, cần sớm khắc phục để thích ứng với yêu cầu của các FTA thế hệ mới.

Thương nhân và hiện diện của thương nhân; Hoạt động thương mại hàng hóa và các hàng rào kỹ thuật hiện nay đang là rào cản do Luật 2005 tạo ra sau 20 năm thi hành. Cụ thể: Khoản 1 Điều 6 Luật 2005 đưa ra khái niệm thương nhân không bao quát được nhiều hoạt động ở khu vực “phi chính thức” cũng nhằm mục đích sinh lợi nhưng hoạt động thường xuyên. Yêu cầu thương nhân phải “có đăng ký” kinh doanh cũng không hợp lý, bởi quy định này đang bỏ sót các chủ thể hoạt động thương mại nhưng không đăng ký. So sánh với khái niệm thương nhân của các nước khác như Pháp, Mỹ thì khái niệm thương nhân trong Luật 2005 của Việt Nam đang nói về yếu tố hình thức nhiều hơn nội dung hoạt động và tôn chỉ của thương nhân.

Trong thương mại đầu tư quốc tế, “hiện diện thương mại” là một trong bốn phương thức tiếp cận thị trường dịch vụ một quốc gia, thể hiện dưới hình thức tồn tại một hình thái tổ chức để triển khai các hoạt động thương mại. Quy định về sự hiện diện của thương nhân tại Việt Nam được quy định ở Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam cũng không còn phù hợp. Quy định này cho phép thương nhân nước ngoài được thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam theo cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc dẫn chiếu quyền thành lập hiện diện thương mại sang điều ước quốc tế là không khả thi, bởi theo Luật Điều ước quốc tế năm 2016,

cam kết quốc tế lại không có giá trị áp dụng trực tiếp.

Ngoài ra, tại Báo cáo rà soát Luật Thương mại năm 2005 do Bộ Công Thương soạn thảo năm 2020, một số nội dung cần được tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh trong các văn bản sửa đổi, bổ sung của Luật 2005 như: chính sách hỗ trợ thương mại đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo; bổ sung một số phương thức mua bán, phân phối, lưu thông hàng hóa; xuất xứ hàng hóa.

3.3. Hoàn thiện các luật chuyên ngành hỗ trợ hoạt động thương mại

Những chuẩn mực trên đang có xu hướng tăng do tốc độ hội nhập ngày càng nhanh của kinh tế Việt Nam, tạo ra những mâu thuẫn cục bộ trong nội dung quy định của Luật thương mại hiện hành. Mặc dù Việt Nam hiện đang nỗ lực bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật chuyên ngành nhằm tạo ra mối quan hệ tương hỗ với Luật Thương mại, cụ thể:

a. Yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Chủ trương hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 đã xác định nhiệm vụ “*Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố quy trình đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm*”. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đã xác định rõ “*Ban hành hệ thống tiêu*

chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống". Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, trong đó Chính phủ tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm "...*tiếp tục cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thiện khung khổ pháp lý về thương mại điện tử, giao dịch điện tử và kinh tế số; chú trọng khai thác các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới*". Như vậy, chủ trương hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng hàng hóa đã có, Nhà nước cũng đang nỗ lực hoàn thiện.

b. Yêu cầu về môi trường

Để thuận lợi hóa quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa trong bối cảnh FTA thế hệ mới, các tiêu chuẩn về môi trường cần đáp ứng đồng bộ với sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại. Cụ thể, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành từ 1/1/2022 đã cập nhật xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế về môi trường trên thế giới và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đối chiếu các cam kết trong CPTPP, EVFTA với pháp luật môi trường nước ta, có thể thấy các quy định pháp luật hiện hành về cơ bản đã đáp ứng các nghĩa vụ trong bảo vệ môi trường, hướng tới áp dụng các công cụ hành chính - kỹ thuật trong phòng ngừa, kiểm soát các nguồn ô nhiễm thông qua Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc, tiêu chuẩn môi trường cũng như các quy định về quản lý chất

thải. Quy định về tham vấn công chúng được ghi nhận là một hoạt động bắt buộc trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng các báo cáo đánh giá. Điều này đã phần nào đáp ứng quy định trong Hiệp định CPTPP, EVFTA về tham vấn công chúng.

Hoạt động thương mại còn phải đáp ứng yêu cầu kiểm soát lưu thông hàng hóa, sản phẩm gây suy giảm tầng ô-zon. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có một chương riêng về ứng phó với biến đổi khí hậu (Chương VII) trong đó nêu rõ nghĩa vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (Điều 91), cũng như yêu cầu thực hiện biện pháp kiểm soát việc sản xuất, tiêu thụ và mua bán những chất làm suy giảm hoặc biến đổi tầng ô-zon (Điều 92). Những quy định này tương thích với Điều 20.5.1 CPTPP và khoản 2 Điều 13.6 EVFTA. Tuy nhiên, các quy định trên vẫn còn có khoảng cách nhất định so với yêu cầu xây dựng thị trường cacbon nội địa.

c. Yêu cầu về lao động, hiệp hội ngành hàng

Các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA về cơ bản đã được nội luật hóa vào pháp luật về lao động của Việt Nam. Bộ luật lao động năm 2019 và các văn bản luật pháp mới có những quy định bảo vệ tốt hơn các quyền và nguyên tắc cơ bản trong lao động, bao gồm cả không phân biệt đối xử và bình đẳng giới, xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, thỏa ước tập thể và quyền tự do hiệp hội. Các quy định này phù hợp với 8 Công ước cơ bản của ILO và tuân thủ 4 tiêu chuẩn cơ bản về lao động trong Tuyên bố năm 1998 của ILO về Quyền và nguyên tắc cơ bản tại nơi làm việc và những hành động tiếp theo. Bộ luật lao động 2019 cũng có các quy định sửa đổi để thích ứng với EVFTA liên quan tới ba nhóm tiêu chuẩn lao động cơ bản, gồm tự

do liên kết và thương lượng tập thể; bảo đảm bình đẳng và không phân biệt đối xử trong lao động; bảo vệ lao động chưa thành niên và xóa bỏ lao động trẻ em. Vấn đề đặt ra với Việt Nam hiện là quan điểm truyền thống về sự can thiệp và vai trò của Nhà nước hoặc các tổ chức chi phối bởi Nhà nước như: Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam; Hiệp hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam... mà không hình thành các cơ chế độc lập và minh bạch. Đây sẽ là rào cản đáng kể trong mở cửa thương mại sau khi ký kết FTA thế hệ mới. Đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn 25 công ước của ILO trong đó có 7/8 công ước cơ bản. Đặc biệt, trong giai đoạn 2019-2020, Quốc hội đã phê chuẩn việc gia nhập 2 công ước cơ bản là Công ước số 98 về Áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể và Công ước số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức. Đối với Công ước số 98, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước này theo Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 07/5/2021. Đối với Công ước số 105, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Công ước, hiện đang trong quá trình tham khảo ý kiến các Bộ ngành liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Đối với Công ước số 87, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình hồ sơ gia nhập Công ước.

4. Kết luận

Việc tham gia các FTA đã và đang đem lại cho Việt Nam những cơ hội và thách thức đan xen. Cùng với lộ trình thực hiện các cam kết mở cửa thị trường, có thể thấy tất cả các lĩnh vực, hoạt động của nền kinh tế đang chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ các FTA. Không kể một số đối tác trong ASEAN, hầu hết các đối tác FTA của Việt Nam đều có trình độ phát triển kinh tế cao hơn Việt Nam. Điều này có nghĩa là khi tham gia FTA tức là chúng ta đã chấp nhận bước vào một sân chơi sòng phẳng và đầy tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, nếu doanh nghiệp thương mại của Việt Nam không thể đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh và chất lượng sản phẩm rất cao, nếu không “chuẩn hóa” thì tham gia FTA thế hệ mới cũng đồng nghĩa với thất bại.

Cũng cần lưu ý rằng, việc sửa đổi pháp luật không chỉ đặt ra với Việt Nam. Các nước thành viên ký kết các FTA kể trên, bao gồm cả các nền kinh tế hàng đầu, như Nhật Bản, Canada, thành viên EU... đều phải xây dựng pháp luật để nội luật hóa hiệp định ở các mức độ khác nhau. Bởi vậy, thực thi đầy đủ cam kết trong các FTA thế hệ mới kể trên hướng tới lợi ích tiềm năng từ mạng lưới FTA bao phủ mà Việt Nam đang sở hữu sẽ cho chúng ta những lợi thế to lớn trong thu hút luồng đầu tư đang có xu hướng dịch chuyển xuống khu vực Nam Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tư pháp (2018), *Tài liệu giới thiệu Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các văn kiện có liên quan*;

Chính phủ (2022), *Báo cáo số 384/BC-CP ngày 07/10/2022 về việc thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)*;

- Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), *Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động cho công nhân theo quan điểm Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử ngày 18/3/2022;
- Đặng Thị Phương Hoa (2022), *Thực thi các cam kết về lao động của Việt Nam trong EVFTA*, Hội thảo khoa học “Hai năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động kinh tế-xã hội và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”;
- Nguyễn Văn Hối (2020), *Sự không thống nhất trong quy định về hợp đồng giữa Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 02+03/2020, tr.94-102
- ILO (1998), *Tuyên bố về Quyền và nguyên tắc cơ bản tại nơi làm việc và những hành động tiếp theo*,
- Quốc hội (2005), *Luật Thương mại số 36/2005/QH11* ban hành ngày 14/06/2005, có hiệu lực ngày 01/01/2006;
- Bùi Hải Thiêm, Trần Thị Quang Hồng (2022), *Hoàn thiện pháp luật để thực hiện các cam kết về môi trường theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 14 (462), tháng 7/2022;
- Nguyễn Sơn (2021), *Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam*, Tạp chí Tài chính online (<https://tapchitaichinh.vn/>)
- Tiêu Hải Vân (2021), *Thực thi các FTA thế hệ mới: Lý luận, thực tiễn và giải pháp*, Viện nghiên cứu chiến lược, Bộ Công Thương (<https://vioit.org.vn/>)
- VCCI (2022), *Tài liệu rà soát đề xuất sửa đổi Luật Thương mại 2005, kèm theo Công văn số 1780/PTM-PC ngày 20/9/2022*
- WB (2018), *Vietnam: Seizing the opportunities of new-generation free trade agreements*, (<http://documents.worldbank.org/curated/en/123901521747722857>)